TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **158**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17-6-2024
V/v "tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tống Văn Tư

2. Ông Trần Văn Nhu

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hiển- Thư ký Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2024/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2024/QĐXX- ST ngày 07 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Minh H** sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: xã MĐT, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ông **Phạm Duy L** sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: xã MĐT, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Minh H trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Duy L chung sống với nhau năm 1992, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã MĐT vào ngày 28/6/1993. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 02/2023 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2023 cho đến nay. Nay yêu cầu được ly hôn với ông L.

- Về con chung: Có 02 con chung là Phạm Duy L1 sinh ngày 14/8/1994

và Phạm Thị Yến N sinh ngày 08/11/2000, hiện các con đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Duy L trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà H.

- Về con chung: Con chung đã thành niên.

- Ông yêu cầu được vắng mặt, không đến Toà án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa, các qui định của pháp luật; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc vắng mặt đương sự: Bà Nguyễn Thị Minh H, ông Phạm Duy L vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt bà H và ông L.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn và bị đơn có địa chỉ tại huyện C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Minh H và ông Phạm Duy L chung sống với nhau năm 1992, có đăng ký kết hôn và được UBND xã MĐT cấp giấy chứng nhận kết hôn số 141 ngày 28/6/1993 nên là hôn nhân hợp pháp. Bà H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2023 cho đến nay. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và ông L đồng ý ly hôn với bà H. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông L là phù hợp với Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Xét thấy, Phạm Duy L1 sinh ngày 14/8/1994 và Phạm Thị Yến N sinh ngày 08/11/2000 đã thành niên. Bà H và ông L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Do bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Do bà H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bà H phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Minh H được ly hôn với ông Phạm Duy L.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Minh H phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu số 0015061 ngày 11/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, do đó bà H đã nộp xong án phí.

4. Quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày; đối với bà Nguyễn Thị Minh H và ông Phạm Duy L được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- UBND xã MĐT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Thi